**Đặc sắc võ cổ truyền Việt Nam**

*Một dân tộc định hình trong môi trường địa kinh tế không thuận lợi, địa chính trị phức tạp nhưng đã tạo dựng một lịch sử vẻ vang đầy bản lĩnh, một nền văn hoá độc đáo như dân tộc Việt Nam chắc chắn phải có những nguyên lý sinh tồn mãnh liệt. Căn bản của những nguyên lý sinh tồn ấy chính là nghệ thuật sống và nghệ thuật chiến đấu.*

Võ cổ truyền gọi tên đầy đủ là võ thuật cổ truyền (VTCT). VTCT Việt Nam là tên gọi chung cho tất cả các võ phái ở Việt Nam được lưu truyền từ nhiều thế kỷ trước cho đến tận bây giờ. Quá trình đi tìm những nét đặc sắc của VTCT Việt Nam cũng chính là đi tìm bản sắc của nền võ thuật cổ truyền dân tộc – một “di sản sống” của văn hoá Việt Nam.

**1. Nội sinh và tích hợp ngoại nhập qua hàng chục thế kỷ**

Có thể nói VTCT Việt Nam hình thành trên cơ sở địa lịch sử, địa chính trị và địa văn hoá Việt Nam. Qua hàng ngàn năm dựng và giữ nước, VTCT Việt Nam định hình một sắc diện khó lẫn với các nền võ thuật của các dân tộc trong khu vực Đông Nam Á.

Vào những năm cuối thế kỷ XX, khi các dòng võ đại diện cho võ thuật Á, Âu có mặt ở Việt Nam thì các tên gọi Võ Ta, Võ Tầu, Võ Tây cũng xuất hiện. Các tên gọi này không chỉ định danh các dòng võ mà còn nhằm để xác định bản sắc các dòng võ, qua đó, khẳng định bản sắc dân tộc của VTCT Việt Nam.

Để nhận diện rõ hơn về VTCT Việt Nam chúng ta cần phân biệt Võ Ta với Võ Tầu. Đây là hai tên gọi phổ biến trong xã hội Việt Nam trước 1991 để chỉ những nhóm võ phái cổ truyền cùng hoạt động ở Việt Nam.

Võ Ta tức là võ của chúng ta, võ của người Việt Nam chúng ta. Nhóm võ này bao gồm võ vật truyền thống ở các làng xã và các võ phái có nguồn gốc Trung Hoa nhưng đã được Việt hoá căn bản về tôn chỉ, mục đích, về danh pháp cũng như bài bản thiệu thảo, binh khí…; võ sư trực tiếp truyền dạy là người Việt Nam.

Võ Tầu là võ có nguồn gốc từ Trung Hoa, do người Hoa trực tiếp truyền dạy bằng tiếng Trung Hoa. Khi các vị võ sư này về lại Trung Hoa, võ đường do các học trò người Việt Nam đảm nhận. Quá trình Việt hoá tôn chỉ, mục đích, nội dung và hình thức truyền dạy của các võ sư người Việt đã chuyển các hệ phái vốn là võ Tầu sang võ Ta. Một số võ sư người Hoa khác chọn con đường định cư tại Việt Nam và chỉ truyền dạy võ cho con cháu của mình; người Việt Nam gọi đó là Võ Tầu.

Như vậy VTCT Việt Nam không chỉ là võ bản địa mà còn tích hợp võ ngoại nhập, Việt hoá và biến các võ phái có nguồn gốc Trung Hoa thành võ Việt Nam.

**2. Thực thể nghệ thuật có tính học thuật hiện đại**

Ở phương Tây, võ thuật (Martial Arts) không được xếp vào nhóm các loại hình nghệ thuật của nhân loại. Người ta xem đối tượng này chỉ là một chuyên ngành trang bị kỹ thuật chiến đáu. Ai tập luyện nhiều thì có kỹ năng chiến đấu.

VTCT Việt Nam là một thực thể nghệ thuật vì nó có cơ sở triết học, có lịch sử võ thuật, lịch sử môn phái, có tôn chỉ mục đích, có nội quy và có nội dung truyền thụ thứ lớp rõ ràng, chặt chẽ. Một môn phái chân truyền đúng với ý nghĩa giữ gìn nghệ thuật cổ truyền thì phải có đủ các yếu tố trên. Không đầy đủ các yếu trên sẽ dẫn đến hiện tượng méo mó nghệ thuật, dần dần đi đến chỗ thất truyền. Rõ ràng, VTCT Việt Nam không chỉ truyền dạy kỹ thuật chiến đấu, không chỉ nhằm rèn luyện kỹ năng tự vệ và chiến đấu. Nó là một thực thể nghệ thuật vì đường hướng hoạt động nhắm đến sự thành thục, sự hoàn thiện ở mức độ cao nhất. Về bản chất, đó là một nghệ thuật huỷ diệt sinh mạng nhanh nhất và cũng là một nghệ thuật cứu sống sinh mạng nhanh nhất. Giữa hai mặt đối lập này, triết lý VTCT Việt Nam chọn con đường thứ hai làm tôn chỉ, mục đích hoạt động. Điều có nghĩa là VTCT Việt Nam hướng con người đi vào con đường Chân Thiện Mỹ, hoàn toàn phù hợp với định hướng nhân văn của Mỹ học hiện đại. Nói rõ hơn, VTCT Việt Nam không chỉ là nghệ thuật chiến đấu mà còn là một nghệ thuật hội nhập với môi trường xã hội và hoà nhập vào môi trường tự nhiên một cách nhân văn. Trong môi trường xã hội, bản chất VTCT Việt Nam không chủ chiến mà chủ hoà bằng cách sử dụng tài năng và đức độ. Người giỏi võ là người biết cách dừng/đình chỉ mọi cuộc chiến một cách nhanh nhất, hạn chế tối đa hao tổn của cải, sinh lực cũng như sinh mạng con người. Đối với môi trường tự nhiên, người tập võ và luyện võ luôn thực hành phương châm để “con người hoà nhập vào tự nhiên và thiên nhiên hoà nhập vào con người”. Triết lý sống này là kết quả của sự tổng hợp lối tư duy siêu việt của ba tôn giáo lớn ở Phương Đông: Lão – Nho – Phật. Nói tóm lại VTCT Việt Nam tôn trọng môi trường sống, không huỷ diệt trái lại cố gắng tôn tạo môi trường sống đề hướng đến sự “phát triển bền vững”.

Tính học thuật hiện đại thể hiện ở rất nhiều bình diện, ở đây tác giả chỉ nói đến hai mặt cơ bản: một là hệ thống đào tạo, hai là phương pháp truyền dạy và nghiên cứu.

\* Về hệ thống đào tạo: Hệ thống đào tạo VTCT Việt Nam có 5 cấp tương ứng với 5 cấp của hệ thống giáo dục thế giới đang áp dụng. Mỗi cấp học đều có nội dung cụ thể, có mục tiêu đào tạo và có chuẩn đầu ra hẳn hòi (theo cách diễn đạt hiện đại của kiểm định chất lượng giáo dục thế giới). Hệ thống 5 cấp học mà các nước tiên tiến đang áp dụng là: 1/ Mẫu giáo còn gọi là Giáo dục mầm non (preschool education hoặc kindergarten level), 2/ Tiểu học (Primary), 3/ Trung học (High school level), 4/ Cao đẳng, Đại học (College level, University level), 5/ Sau đại học gồm Thạc sĩ, nghiên cứu sinh (Graduate level). Hệ thống đào tạo 5 cấp VTCT Việt Nam gồm: 1/ Khai tâm, 2/ Căn bản, 3/ Giang hồ, 4/ Truyền môn, 5/ Trấn môn. Chỉ những võ sinh được tuyển chọn (nội đồ chánh tông) mới được truyền thụ cặn kẽ nội dung, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của từng cấp học nêu trên. (xem bảng 1.1)

*Bảng 1.1: Tương ứng cấp học của VTCT Việt Nam với cấp học của giáo dục quốc tế.*

|  |  |
| --- | --- |
| *Cấp học của VTCT* *Việt Nam* | *Cấp học của giáo dục quốc tế* |
| Khai tâm | Mẫu giáo |
| Căn bản | Tiểu học |
| Giang hồ | Trung học |
| Truyền môn | Cao đẳng-Đại học |
| Trấn môn | Sau đại học |

Cấp học cao nhất trong VTCT Việt Nam là Trấn môn – cấp học để giữ gìn, phát triển môn phái. Nó tương ứng với cấp học Sau đại học – cấp học để giữ gìn, phát triển tri thức chuyên ngành.

\* Về phương pháp truyền dạy và nghiên cứu võ thuật: VTCT Việt Nam phát triển trên nền tảng lý luận và thực tiễn, theo đó môn sinh vừa được trang bị cả lý thuyết và thực hành. Về mặt triết học, VTCT Việt Nam dựa chắc trên nền tảng triết lý Âm Dương Ngũ Hành, biện giải hoàn toàn theo hướng khách quan biện chứng. Tính khoa học thể hiện ở các cấp học từ thấp lên cao, từ khai mở đến giữ gìn phát triển môn phái nói riêng và võ thuật dân tộc nói chung; học đi đôi với thực hành tập luyện. Người tập võ vừa luyện thân, vừa luyện tâm, vừa luyện trí theo đường hướng nhân văn của đạo học phương Đông. Mục tiêu đào tạo nhằm xây dựng con người toàn diện: văn, võ, đức, trí, dũng. (xem bảng 1.2)

*Bảng 1.2: Tương ứng cấp học của VTCT Việt Nam*

|  |  |
| --- | --- |
| **Các bình diện** | **Các thành tố** |
| **Cơ sở triết học Ngũ Hành** | Thuỷ | Mộc | Hoả | Thổ | Kim |
| **Cấp học** | Khai tâm | Căn bản | Giang hồ | Truyền môn | Trấn môn |
| **Võ phục** | Đen | Xanh | Đỏ | Vàng | Trắng |
| **Thiệu thảo** | Quy quyền | Long quyền | Hạc quyền | Hầu quyền | Hổ quyền |
| **Thế đánh** | Ngoằn ngoèo | Dài | Nhảy nhót | Vuông vắn | Cuộn tròn |
| **Luyện tập** | Xương | Gân | Huyết | Thịt | Khí |

VTCT Việt Nam đươc chú trọng nghiên cứu từ rất sớm. Vào thời Trân, vua Trần Thái Tông (1225 - 1258) đã cho lập Giảng Võ đường (1253). Đây vừa là nơi tập luyện võ bị vừa là nơi nghiên cứu và giảng dạy võ nghệ. Theo một số nhà sử học, cuốn Binh thư yếu lược là kết quả nghiên cứu của võ tướng Trần Quốc Tuấn được đưa vào giảng dạy trong thời gian này. Thời nhà Lê, vua Lê Dụ Tông (1705 – 1729) cho xây dựng Võ học sở (1721) tại Thăng Long, cắt cử quan phụ trách giảng dạy binh pháp. Những công trình kiến trúc này hiện nay không còn nhưng vẫn còn lưu dấu địa danh Khu Giảng Võ tại Hà Nội. Nhìn chung, các triều đại phong kiến Việt Nam đều chú trọng võ học, xem đó là cốt lõi của vấn đề quân sự. Vua chủ khảo các kỳ thi tuyển quan võ, chọn võ tướng. Nhiều danh nhân Việt Nam giỏi cả văn lẫn võ. Văn võ song toàn là tiêu chí cơ bản để tuyển chọn và đánh giá tài năng cấp quốc gia.

**3. Hình mẫu giáo dục lý tưởng**

Trong VTCT Việt Nam, những người truyền dạy được gọi là Sư phụ. Họ vừa giữ vai trò người thầy (sư), vừa giữ vai trò người cha (phụ). Người thầy làm công việc truyền dạy (teach) và huấn luyện (train), người cha làm công việc nuôi dưỡng (feed, take care). Trong tiếng Việt, từ giáo dục gồm hai thành tố: giáo (dạy), và dục (nuôi). VTCT Việt Nam gọi người truyền dạy là sư phụ là đã trao cho họ trọng trách xây dựng con người đúng nghĩa của hai tiếng giáo dục.

Đa số các hệ phái cổ truyền Việt Nam đều có sự tổng hợp ba dòng tư tưởng lớn của phương Đông là Lão Tử, Khổng Tử và Phật Thích Ca. Sư phụ truyền dạy kiến thức về đạo, về đời, về kỹ năng đối nhân xử thế và kỹ năng sống. Sư phụ không chỉ truyền dạy kiến thức mà còn sẵn lòng cho học trò ăn không chút so đo. Sư phụ giúp học trò nuôi thân, nuôi tâm, nuôi trí, nuôi đức sau mới tính đến chuyện nuôi tài. Điều này giúp chúng ta hiểu rõ thêm tại sao hai tiếng Sư phụ được sử dụng phổ biến trong môi trường võ học và có nghĩa trang trọng, thiêng liêng hơn tên gọi Thầy.

Có thể nói mà không sợ sai rằng: các bậc Sư phụ trong VTCT Việt Nam đã khởi phát hai giá trị truyền thống cực kỳ quý báu của võ học dân tộc, làm nền tảng tinh thần cho con người Việt Nam. Đó là tinh thần nhân văn và thượng võ.

**4. Nghệ thuật chiến đấu - nghệ thuật giữ nước**

Trong cái nhìn toàn diện, VTCT Việt Nam thật sự là môn nghệ thuật giúp con người chiến đấu với bản thân, chiến đấu với thiên nhiên, chiến đấu với mọi thế lực đe doạ sự tồn vong của Tổ Quốc. Vì vậy, thật là phiến diện khi một ai đó nghĩ rằng VTCT Việt Nam chỉ nhằm huấn luyện kỹ năng tự vệ và kỹ năng đối kháng trước sự tấn công của một hoặc vài đối thủ.

VTCT Việt Nam rất coi trong binh pháp. Những người chỉ giỏi võ nghệ, chủ yếu sử dụng quyền cước và binh khí được xếp vào hàng võ biền; những người vửa giỏi võ nghệ vừa tinh thông binh pháp được xếp vào hàng võ kinh. Các kỳ sát hạch võ tướng thời phong kiến đều sử dụng những cuốn binh pháp kinh điển của phương Đông như: Tôn Tử binh pháp, Ngô Tử binh pháp, Tư Mã Pháp, Lục Thao, Tam lược, Uất Liễu Tử vấn đáp, Lý Vệ Công vấn đối. Các võ tướng phải là hạng võ kinh mới có thể vận dụng binh pháp vào tuyển quân, luyện quân, bày binh bố trận, tiến thoái, hoà chiến một cách linh hoạt; tính toán từng li, từng tí không để hở “chân tơ, kẽ tóc”. Võ kinh đã hình thành một đặc điểm của VTCT Việt Nam là võ trận. Các võ tướng Việt Nam đã tiếp nhận và sáng tạo binh pháp phương Đông từ đó hình thành một loại binh pháp Việt Nam đủ trình độ đánh bại các cuộc xâm lược từ nhiều phía.

Các võ tướng Việt Nam đều rất giỏi võ, tuy nhiên không ai biết họ thuộc môn phái nào. Nói đúng hơn là các võ tướng không xưng danh môn phái sau khi hoàn thành đại sự giải phóng dân tộc. Điều này phản ánh bản chất võ đạo Việt Nam. Khi Tổ Quốc lâm nguy, tất cả các môn phái đều tự nguyện đóng góp tinh hoa môn phái mình cho sự nghiệp cứu dân, cứu nước. Hơn thế nữa, các chưởng môn còn “lao tâm khổ tứ” tìm mọi kế sách để đánh bại kẻ thù xâm lược. Điều này cho thấy binh pháp Việt Nam thể hiện sự kết hợp giữa binh pháp truyền thống với bí pháp của các môn phái. Thành công của mỗi võ tướng là kết quả đóng góp của nhiều môn phái. Như vậy, thành quả đó là thành quả chung. Từ đây dẫn đến một thuộc tính khác: binh pháp Việt Nam là sản phẩm trí tuệ của nhân dân. Nó ra đời/kết tinh từ chiến tranh nhân dân. Vì vậy, bí quyết giữ nước được nhân dân giữ gìn qua hàng nghìn năm mà không bị đánh cắp hoặc bị đổi chác dưới mọi hình thức. Bí quyết giữ nước là thứ di sản văn hoá vô giá vì lịch sử đã chứng minh bí quyết giữ nước đã quyết định sự tồn vong của Tổ Quốc. Đến đây, chúng ta có thể nói rằng: đỉnh cao của nghệ thuật chiến đấu Việt Nam là nghệ thuật giữ nước.

**5. Thay lời kết**

Một dân tộc định hình trong môi trường địa kinh tế không thuận lợi, địa chính trị phức tạp nhưng đã tạo dựng một lịch sử vẻ vang đầy bản lĩnh, một nền văn hoá độc đáo như dân tộc Việt Nam chắc chắn phải có những nguyên lý sinh tồn mãnh liệt. Căn bản của những nguyên lý sinh tồn ấy chính là nghệ thuật sống và nghệ thuật chiến đấu. Và hơn tất cả là nghệ thuật giữ gìn bí quyết để tồn tại – bí quyết giữ nước.

 *Tp. Hồ Chí Minh đầu xuân Quý Mão - 2023.*

*Tác giả: Võ sư, Tiến sỹ Trần Long*

*Nguyên Giảng viên, Trưởng Bộ môn Văn hoá Việt Nam*

*Đại học KHXH&NV, ĐHQG Tp. HCM*